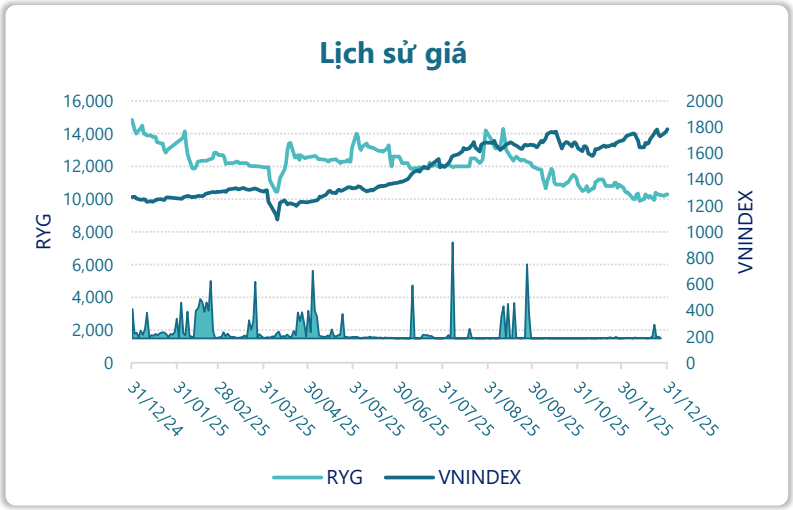
FireAnt

CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (HSX: RYG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,900
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	277,740
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	464
P/E	14.1
EPS	729

DT thuần

Q4/25

554

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.0| 3.0%

YoY: ▲ 79.0| 16.7%

LN sau thuế

Q4/25

5.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.19| -59.0%

YoY: ▼3.18| -38.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

7.1%

+/- YoY: ▼ 1.2%

DT thuần

2025

2,101

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 409| 24.2%

LN sau thuế

2025

32.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼34.7| -51.4%

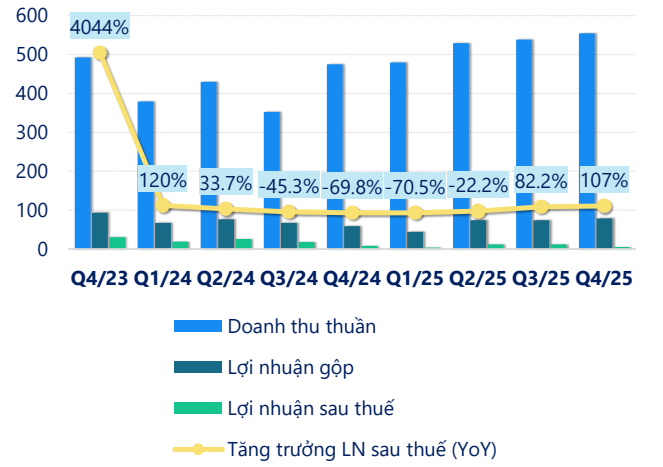
ROE

2025

4.3%

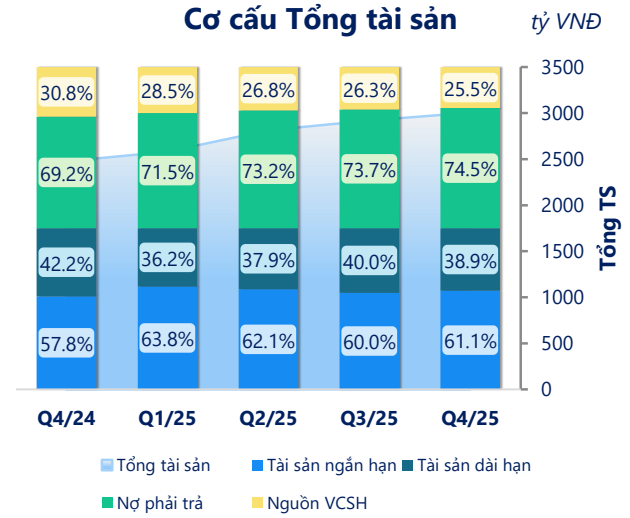
+/- YoY: ▼ 4.8%

Kết quả kinh doanh



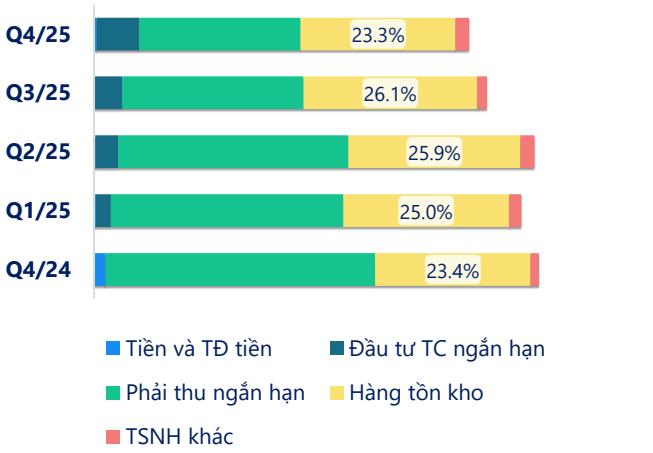
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



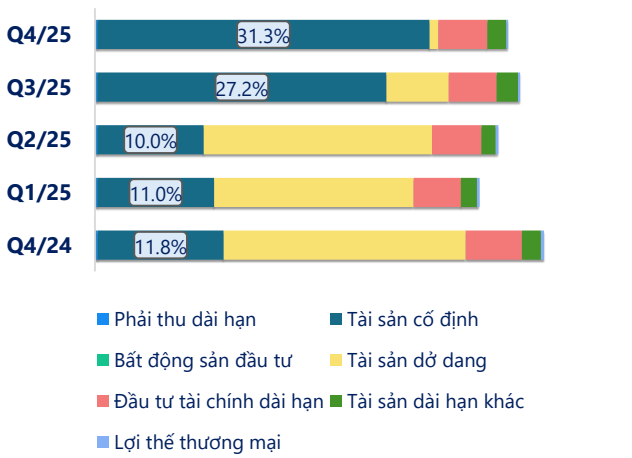
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



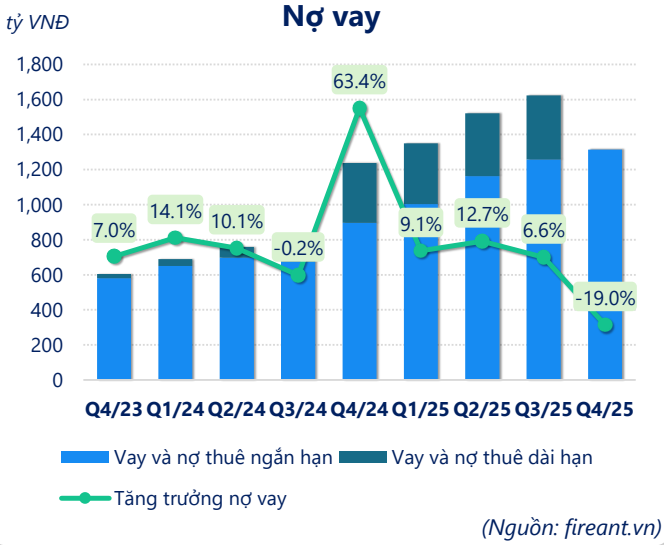
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



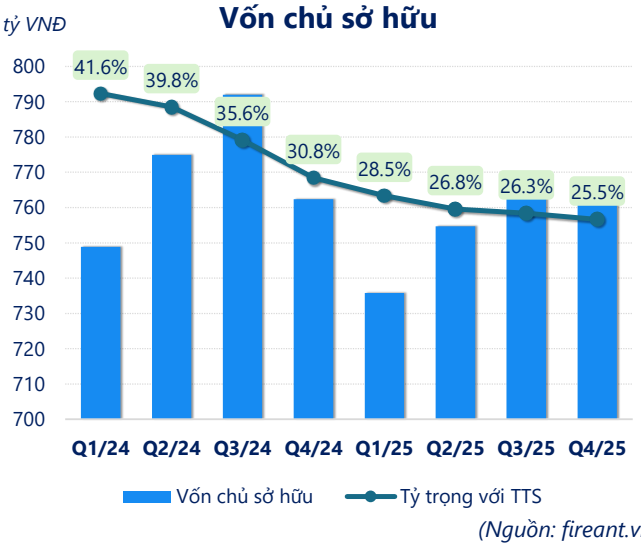
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



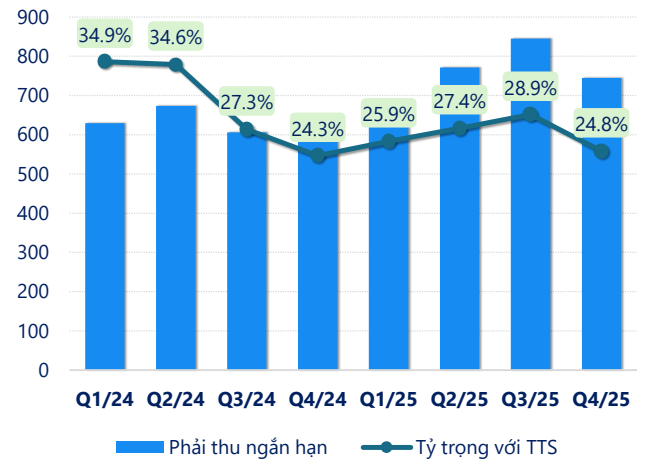
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



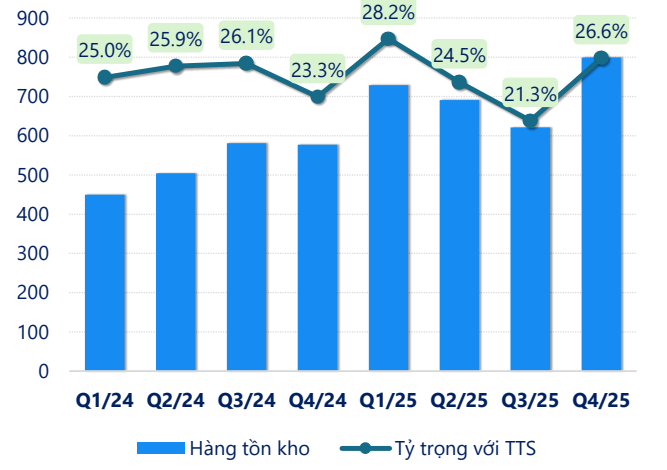
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



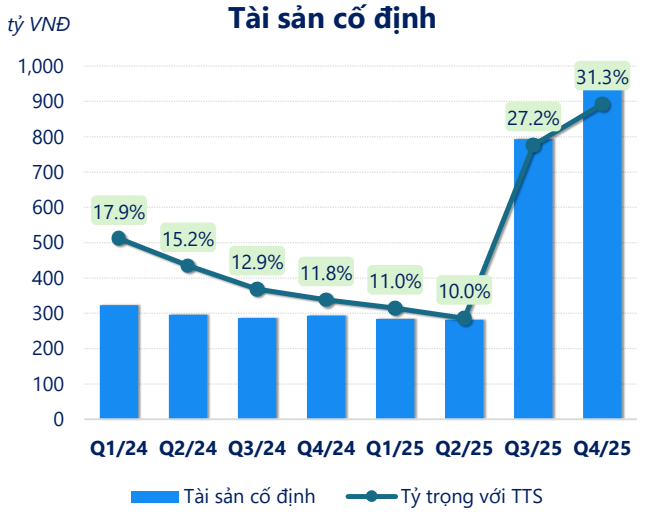
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



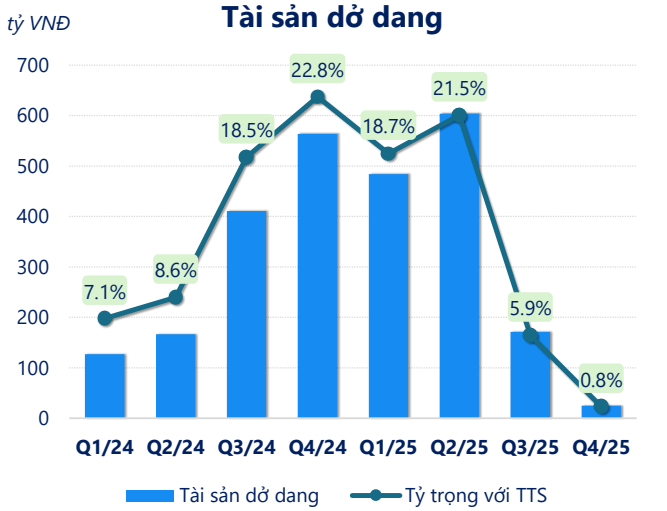
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



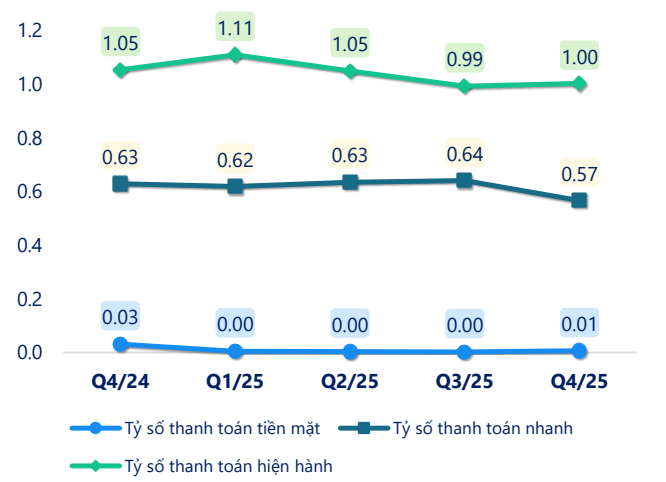
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



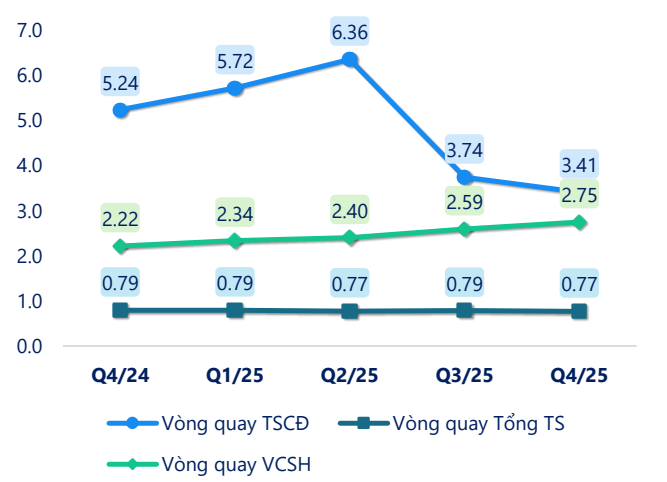
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**2,476**	**2,580**	**2,814**	**2,919**	**3,004**
Tài sản ngắn hạn	**1,431**	**1,647**	**1,747**	**1,752**	**1,837**
Tiền và tương đương tiền	42.2	7.21	5.91	3.38	11.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	158	203	243	244	236
Phải thu ngắn hạn	602	669	772	845	745
Hàng tồn kho	577	729	691	621	799
Tài sản ngắn hạn khác	51.6	38.6	35.5	38.0	45.1
Tài sản dài hạn	**1,045**	**933**	**1,067**	**1,167**	**1,168**
Phải thu dài hạn	6.25	5.47	6.27	6.49	6.55
Tài sản cố định	293	284	281	794	939
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	563	484	604	171	24.8
Đầu tư tài chính dài hạn	131	115	131	131	138
Tài sản dài hạn khác	44.0	38.8	38.4	58.2	54.4
Lợi thế thương mại	6.94	6.70	6.47	6.47	5.09
Nợ phải trả	**1,714**	**1,844**	**2,059**	**2,152**	**2,238**
Nợ ngắn hạn	**1,359**	**1,485**	**1,666**	**1,765**	**1,832**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	896	1,004	1,163	1,258	1,314
Phải trả người bán ngắn hạn	329	314	349	318	340
Nợ dài hạn	355	360	394	387	406
Vay và nợ thuê dài hạn	341	346	359	364	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**762**	**736**	**755**	**767**	**766**
Vốn chủ sở hữu	**762**	**736**	**755**	**767**	**766**
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)